



BÁO CÁO VĨ MÔ

THÁNG 02 NĂM 2025

"Vĩ mô trong nước ổn định, thị trường giữ đà tăng giữa biến động toàn cầu "

Mở tài khoản



Trung tâm phân tích



- 1**  **Lạm phát tăng nhưng trong tầm kiểm soát**
Tháng 02.2025 tăng **+2.91% svck**
Lạm phát cơ bản tăng **+2.97% svck**
- 2**  **Tiêu dùng hạ nhiệt sau Tết nhưng vẫn tích cực**
Tháng 02.2025 đạt 561.7 nghìn tỷ đồng
-2.5% MoM, +9.4% YoY
- 3**  **Sản xuất tiếp tục chững lại**
Tháng 02 chỉ số IIP giảm so tháng trước
-2.2% MoM, +17.2% YoY
- 4**  **Nhập siêu trở lại sau 9 tháng**
Cán cân thương mại **thâm hụt -1.55 tỷ USD**
Xuất khẩu đạt 31.1 tỷ USD (-6.3% MoM, +25.7% YoY)
Nhập khẩu đạt 32.7 tỷ USD (+8.6% MoM, +40.0% YoY)
- 5**  **Giải ngân đầu tư công còn khá chậm**
2 tháng đầu 2025 giải ngân vốn đầu tư công đạt **60,424 tỷ đồng, đạt 6.9% kế hoạch năm**
- 6**  **Dòng vốn FDI tiếp tục tăng mạnh**
FDI đăng ký trong tháng 02.2025 đạt **6.9 tỷ USD, tăng mạnh +60.8% YoY** chủ yếu vào nhóm Công nghiệp chế tạo
- 7**  **Lãi suất liên ngân hàng biến động đan xen**
ON: tăng 67bps lên 4.59%
6M: giảm 53bps còn 5.75%
- 8**  **Tỷ giá USD/VND áp lực trở lại**
Tỷ giá ngân hàng **VCB tăng +2.3%MoM, +3.6%YoY**
- 9**  **VN-Index bứt phá mạnh sau Tết**
VN-Index đạt 1,305 điểm, **+40 điểm (+3.2%MoM)**
Thanh khoản 17,616 tỷ đồng/phiên, **+45.6%MoM**

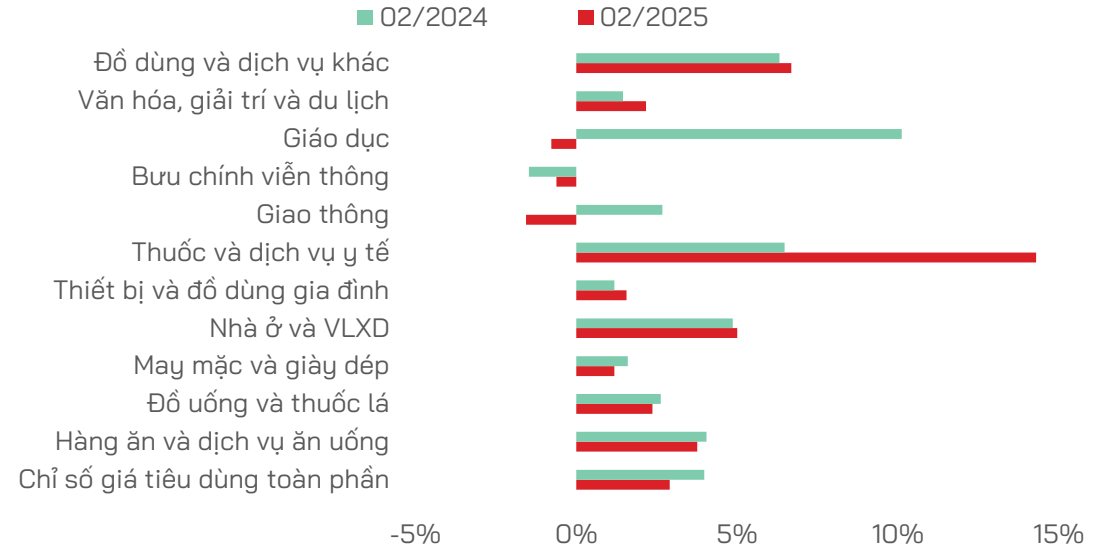
Kinh tế Việt Nam tháng 02.2025 tiếp tục phát đi những tín hiệu tích cực, dù vẫn còn đan xen nhiều yếu tố cần theo dõi. Lạm phát duy trì ở mức thấp, tạo dư địa cho điều hành chính sách linh hoạt, trong bối cảnh tiêu dùng nội địa và vốn FDI đều khả quan. Tuy nhiên, giải ngân đầu tư công và sản xuất công nghiệp vẫn diễn biến chậm. Tỷ giá tiếp tục chịu áp lực do chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ. Tổng thể, triển vọng năm 2025 vẫn tích cực, với dư địa cải cách và phục hồi còn lớn, đặc biệt nếu đầu tư công và FDI tiếp tục được đẩy mạnh. Trên thị trường chứng khoán, điều kiện vĩ mô thuận lợi đang hỗ trợ dòng tiền nội - đặc biệt từ nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt. Dù vậy, các yếu tố bên ngoài như biến động tỷ giá, xu hướng lãi suất toàn cầu và rủi ro lạm phát nhập khẩu - những yếu tố có thể ảnh hưởng đến tâm lý thị trường và dòng vốn ngoại trong ngắn hạn.

1. Lạm phát tăng nhẹ tiếp tục tạo dư địa cho chính sách hỗ trợ nền kinh tế

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2 tăng nhẹ ở mức +0.34% MoM và +2.91% YoY, phản ánh áp lực lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát. Đà tăng chủ yếu đến từ hầu hết các nhóm hàng hóa và dịch vụ thiết yếu trong dịp sau Tết.

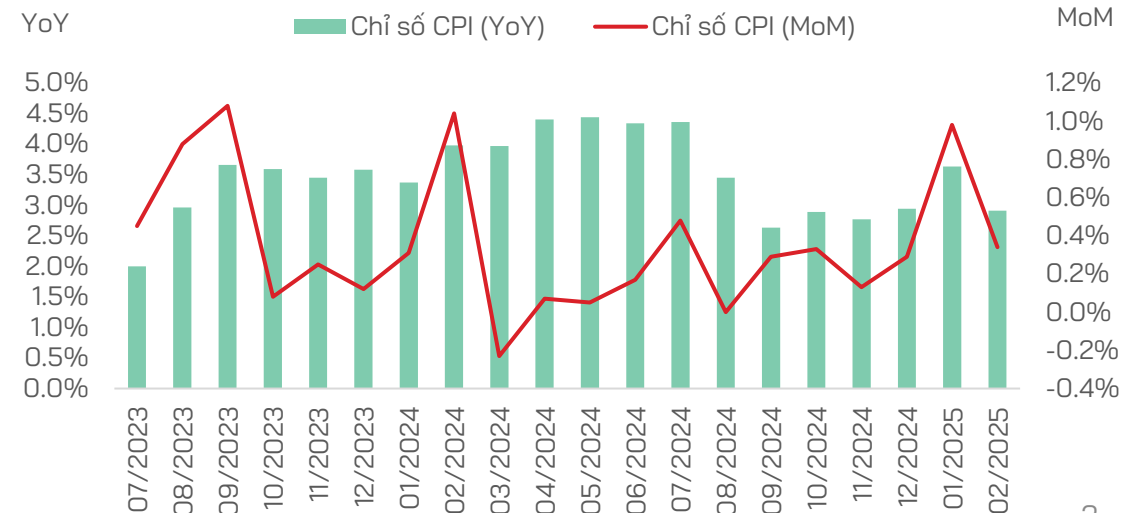
- Nhóm Giao thông tăng +0.63% MoM do nhu cầu đi lại tăng cao trong kỳ nghỉ lễ. Nhóm Nhà ở và Vật liệu xây dựng tăng +0.55% MoM, chủ yếu do giá thuê nhà leo thang khi người lao động quay trở lại thành phố làm việc. Nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng +0.43% MoM do nguồn cung thịt lợn thiếu hụt.
- Chúng tôi dự báo lạm phát có thể tiếp tục tăng trong các tháng tới do một số yếu tố trong nước và quốc tế:** (1) Giá thuê nhà tăng, (2) Mặt bằng giá dịch vụ y tế tăng cao, (3) Các yếu tố vĩ mô như chính sách thuế và thương mại từ thời Tổng thống Donald Trump gây áp lực lên chi phí hàng hóa nhập khẩu. Tuy vậy, lạm phát bình quân 2 tháng đầu năm chỉ tăng 3.27% YoY, vẫn thấp hơn đáng kể so với mục tiêu kiểm soát dưới 4.5% của Chính phủ, tạo dư địa cho việc duy trì chính sách tài khóa mở rộng và tiền tệ nới lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Chỉ số giá theo nhóm mặt hàng, dịch vụ



Chỉ số giá tiêu dùng YoY (%)	02/2025	02/2024	Lũy kế	MoM
Chỉ số giá tiêu dùng toàn phần	2.91%	3.98%	3.27%	0.34%
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	3.76%	4.05%	4.42%	0.43%
Đồ uống và thuốc lá	2.37%	2.63%	2.72%	0.12%
May mặc và giày dép	1.18%	1.60%	1.32%	-0.11%
Nhà ở và VLXD	5.01%	4.87%	4.95%	0.55%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	1.56%	1.18%	1.66%	0.05%
Thuốc và dịch vụ y tế	14.30%	6.48%	14.14%	0.31%
Giao thông	-1.56%	2.68%	-0.36%	0.63%
Bưu chính viễn thông	-0.62%	-1.47%	-0.69%	-0.03%
Giáo dục	-0.78%	10.12%	-1.00%	0.02%
Văn hóa, giải trí và du lịch	2.17%	1.45%	2.48%	0.17%
Đồ dùng và dịch vụ khác	6.69%	6.32%	7.01%	0.18%
Lạm phát cơ bản	2.97%	2.76%	3.07%	0.30%

Chỉ số giá tiêu dùng

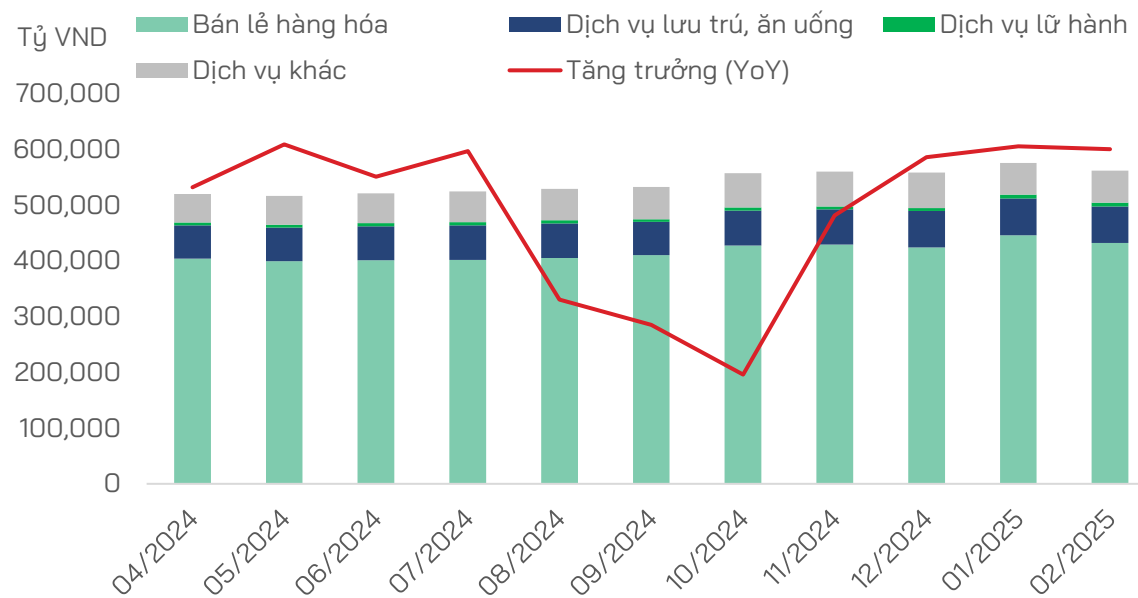


Nguồn: Tổng cục thống kê, HDS tổng hợp

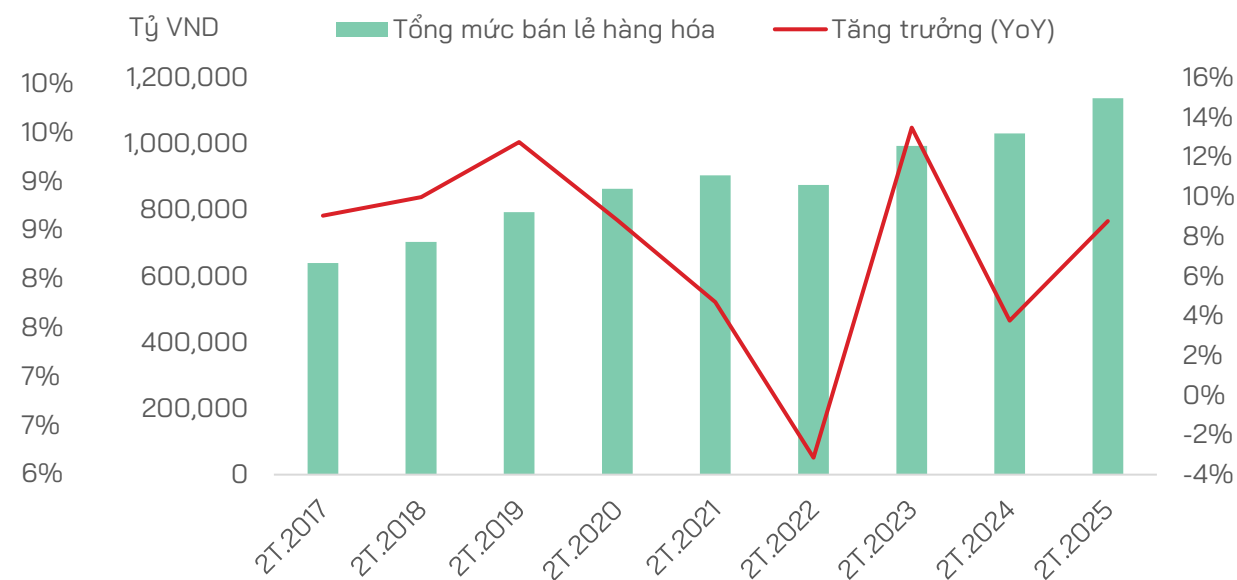
2. Tiêu dùng hạ nhiệt sau Tết nhưng vẫn tăng trưởng tích cực

- **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 2/2025 đạt 561.7 nghìn tỷ đồng, giảm -2.5% MoM do yếu tố mùa vụ sau Tết, nhưng vẫn tăng mạnh +9.4% YoY nhờ nhu cầu tiêu dùng và du lịch nội địa duy trì tích cực.** Các ngành chính đều ghi nhận mức tăng trưởng tốt so với cùng kỳ: bán lẻ hàng hóa (+8.3% YoY), dịch vụ lưu trú & ăn uống (+12.7% YoY), lữ hành (+17.3% YoY) và dịch vụ khác (+13.6% YoY), cho thấy xu hướng chi tiêu tiếp tục được duy trì dù có sự điều chỉnh nhẹ sau kỳ nghỉ lễ.
- **Chúng tôi giữ quan điểm tích cực với triển vọng ngành bán lẻ,** kỳ vọng tăng trưởng trên 10% kể từ quý 2/2025, được hỗ trợ bởi đà phục hồi kinh tế, thu nhập người dân cải thiện, chính sách kích cầu trong nước và sự phát triển mạnh của thương mại điện tử đa kênh. Dù vậy, trong ngắn hạn, tâm lý tiêu dùng thận trọng và áp lực lạm phát sẽ khiến người dân ưu tiên mua sắm tiết kiệm, nhạy cảm hơn với giá cả và khuyến mãi.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng



Tổng mức bán lẻ lũy kế hàng năm



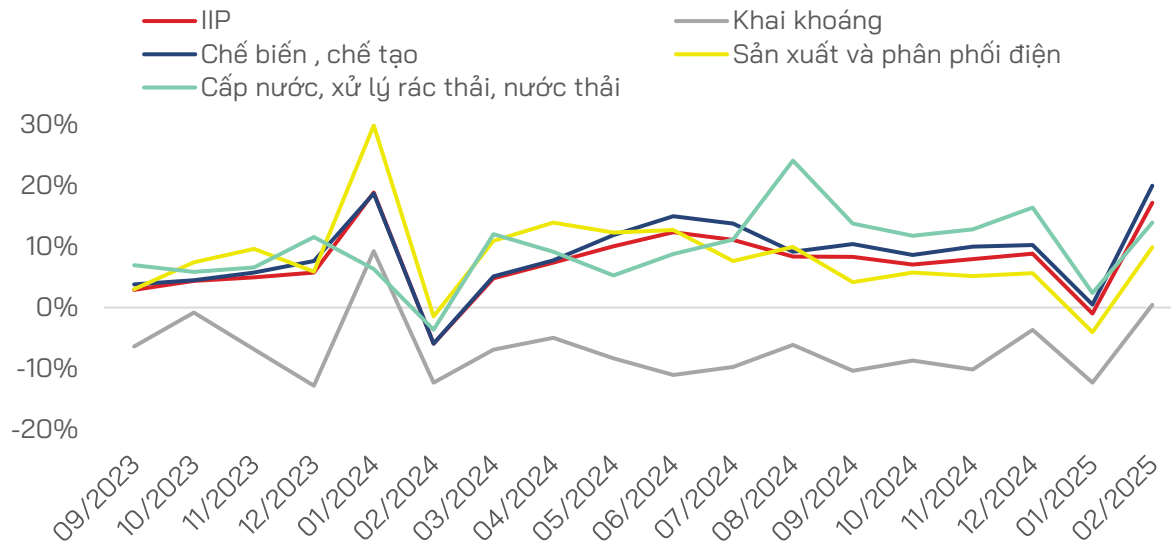
3. Hoạt động sản xuất tiếp tục chững lại

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 2/2025 giảm -2.2% MoM, đánh dấu tháng thứ hai liên tiếp suy giảm, dù vẫn tăng mạnh +17.2% YoY nhờ hiệu ứng nền thấp do kỳ nghỉ Tết 2024 rơi vào tháng 2. Động lực sản xuất đang chững lại khi các doanh nghiệp nội địa giữ tâm lý thận trọng và nhu cầu xuất khẩu suy yếu.

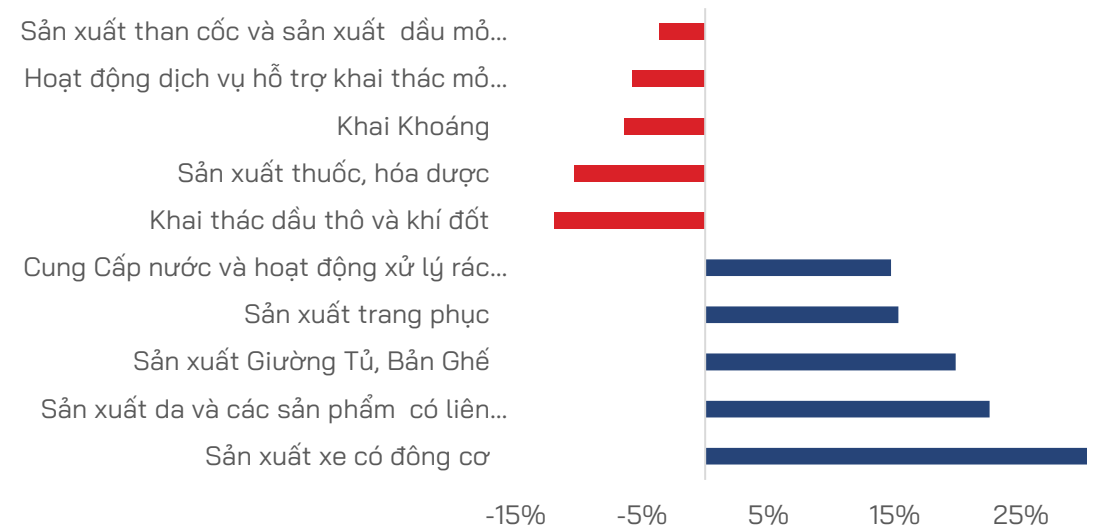
- **Nhóm khai khoáng (-1.45% MoM, +0.43% YoY) gần như đi ngang** do chịu ảnh hưởng từ quy trình cấp phép và biến động giá nguyên liệu, có thể tiếp tục kém sôi động trong ngắn hạn. Ngành chế biến chế tạo – trụ cột của IIP – giảm -2.25% MoM do đơn hàng xuất khẩu yếu, dù vẫn tăng mạnh +19.97% YoY.
- **Một số nhóm ngành khác cũng ghi nhận diễn biến trái chiều:** Sản xuất & phân phối điện giảm -3.54% MoM do nhu cầu sản xuất chậm lại, nhưng vẫn giữ đà tăng +9.88% YoY; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng mạnh +4.16% MoM, +13.92% YoY, phản ánh nhu cầu ổn định từ sinh hoạt và sản xuất.

Chúng tôi cho rằng hoạt động sản xuất có thể hồi phục trở lại trong các tháng tới khi nhiều doanh nghiệp đã tăng nhập khẩu nguyên liệu trong tháng 2. Tuy nhiên, rủi ro từ thị trường quốc tế – đặc biệt là nhu cầu tiêu dùng và chuỗi cung ứng – sẽ tiếp tục là yếu tố cần theo dõi chặt chẽ.

Chỉ số IIP YoY so với cùng kỳ



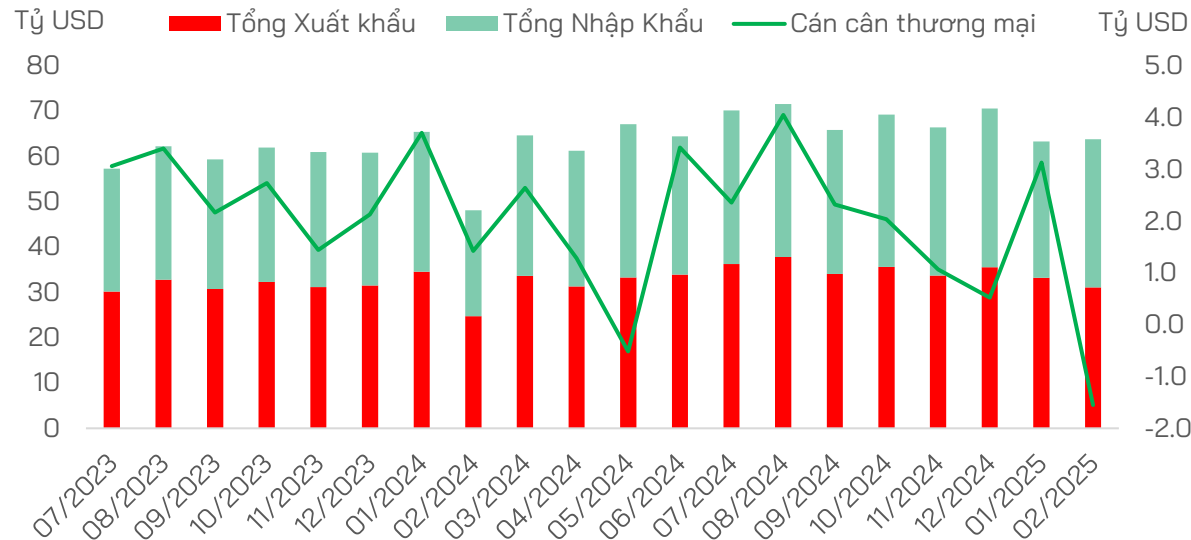
Top 5 ngành tăng giảm mạnh nhất (YoY)



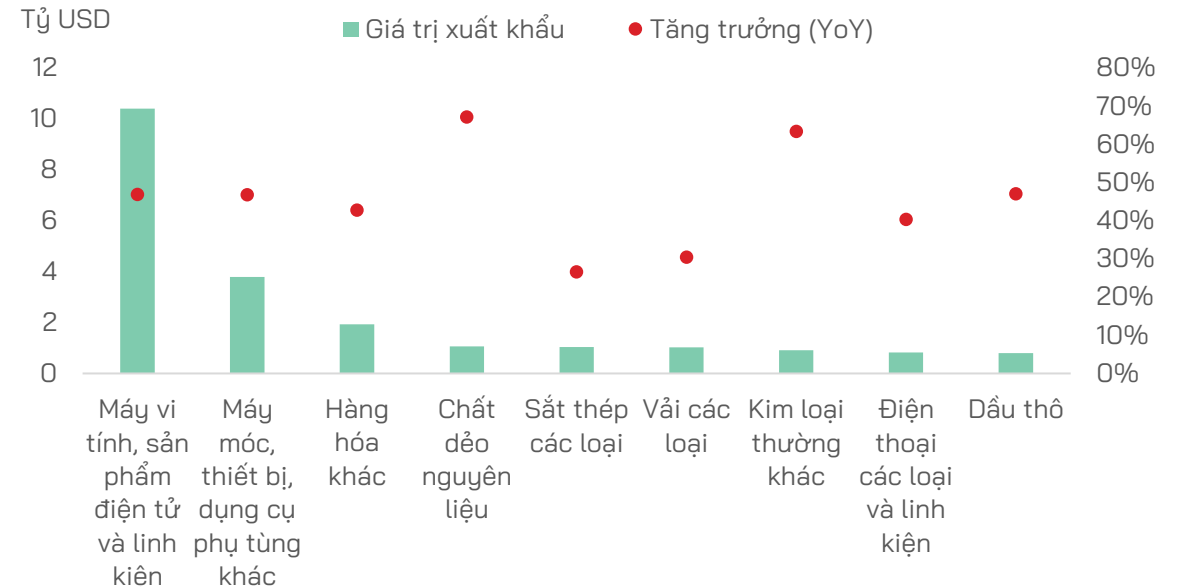
4. Xuất nhập khẩu hồi phục, nhưng nhập siêu trở lại sau 9 tháng

- Trong tháng 02/2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 63.8 tỷ USD (+0.8% MoM, +32.6% YoY), cho thấy hoạt động thương mại quốc tế đã khởi sắc mạnh trở lại sau kỳ nghỉ Tết. Tuy nhiên, cán cân thương mại ghi nhận mức thâm hụt -1.55 tỷ USD, đánh dấu tháng nhập siêu đầu tiên kể từ tháng 5/2024. Cụ thể, xuất khẩu đạt 31.1 tỷ USD (-6.3% MoM, +25.7% YoY), chiếm 48.8% tổng kim ngạch, trong khi nhập khẩu tăng mạnh lên 32.7 tỷ USD (+8.6% MoM, +40.0% YoY), chiếm 51.2%.
- Chúng tôi cho rằng mức tăng nhập khẩu phần lớn đến từ việc doanh nghiệp chủ động gia tăng tích trữ nguyên vật liệu và phòng ngừa rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng trong bối cảnh căng thẳng thương mại toàn cầu gia tăng. Trong ngắn hạn, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam được đánh giá sẽ không chịu tác động lớn từ các chính sách tăng thuế nhập khẩu của Mỹ, do cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam có tính bổ sung cao với thị trường này. Tuy nhiên, cần tiếp tục theo dõi sát các diễn biến chính sách thương mại mới từ Mỹ, nhất là các quy định liên quan đến chuỗi cung ứng, xuất xứ hàng hóa hoặc hàng rào kỹ thuật, vì đây có thể là yếu tố gây trở ngại hoặc mở ra cơ hội mới cho doanh nghiệp Việt Nam trong việc mở rộng thị phần xuất khẩu.

Xuất nhập khẩu theo tháng



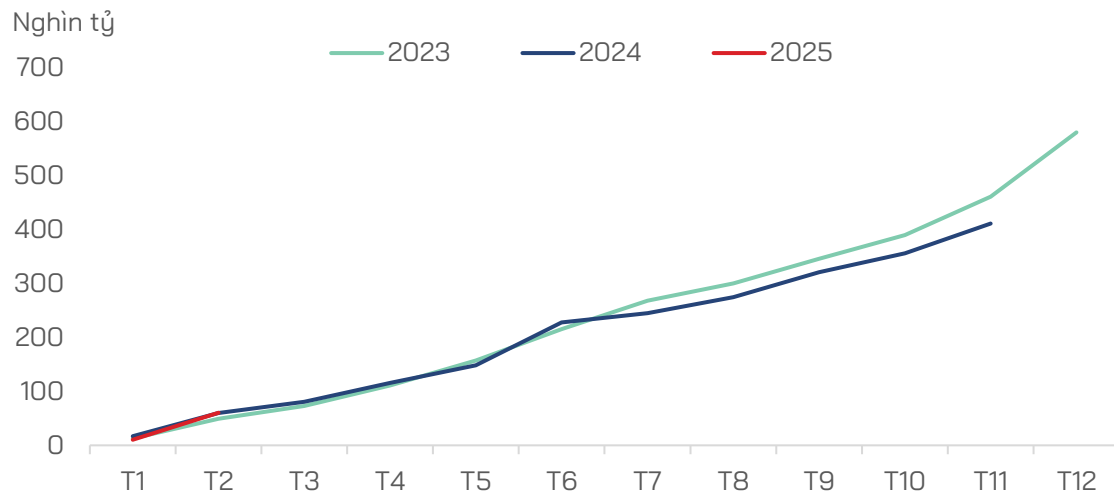
Các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn trong T2.2025



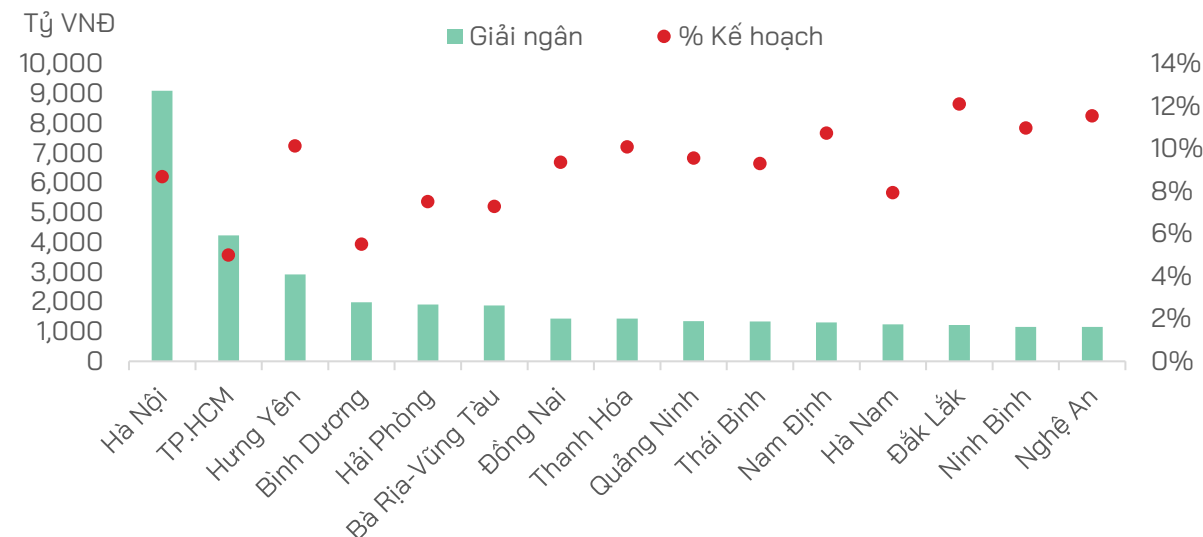
5. Giải ngân vốn đầu tư công còn khá chậm và thấp hơn cùng kỳ

- Tính đến ngày 28/02/2025, giải ngân đầu tư công ước đạt 60,424 tỷ đồng, tương đương 6.9% kế hoạch năm và 7.32% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn mức 7.7% cùng kỳ năm 2024. Tiến độ giải ngân chậm đang gây ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế, chủ yếu do vướng mắc trong thủ tục hành chính và giải phóng mặt bằng.
- Chúng tôi nhận định giải ngân đầu tư công nhiều khả năng sẽ tiếp tục chậm trong nửa đầu năm, nhưng sẽ tăng tốc mạnh trong nửa cuối 2025 nhờ sự chỉ đạo quyết liệt từ Chính phủ. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu giải ngân trên 95% kế hoạch, cần giải quyết dứt điểm các điểm nghẽn thủ tục, đẩy nhanh phân bổ vốn và nâng cao tính kỷ luật, trách nhiệm của các bộ ngành và địa phương trong triển khai thực hiện.

Giải ngân vốn đầu tư công



Vốn đầu tư ngân sách theo địa phương 2 tháng 2025

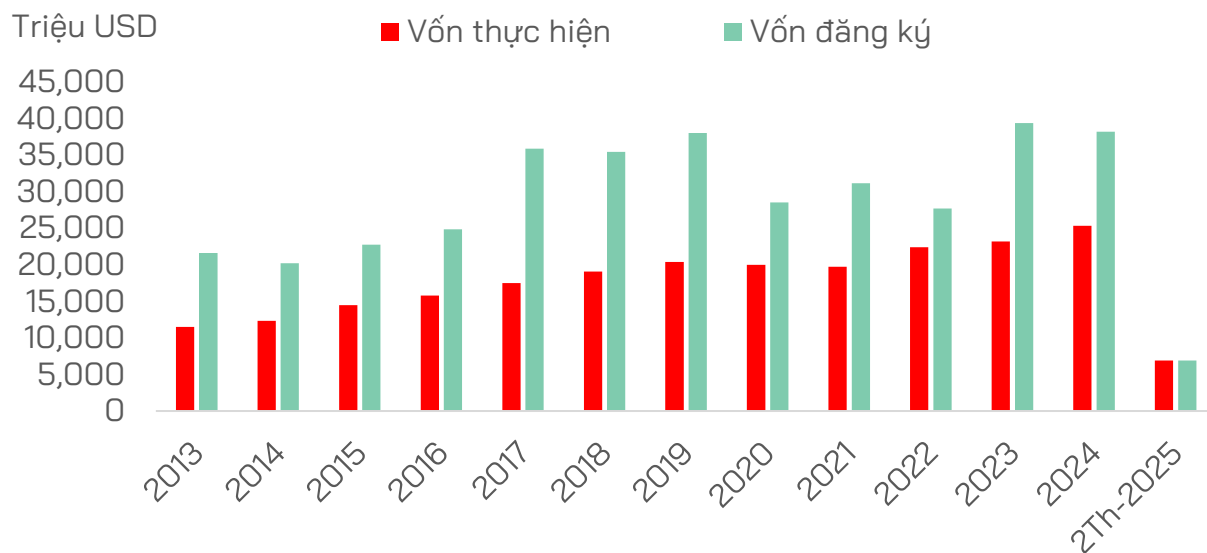


Nguồn: Tổng cục thống kê, HDS tổng hợp

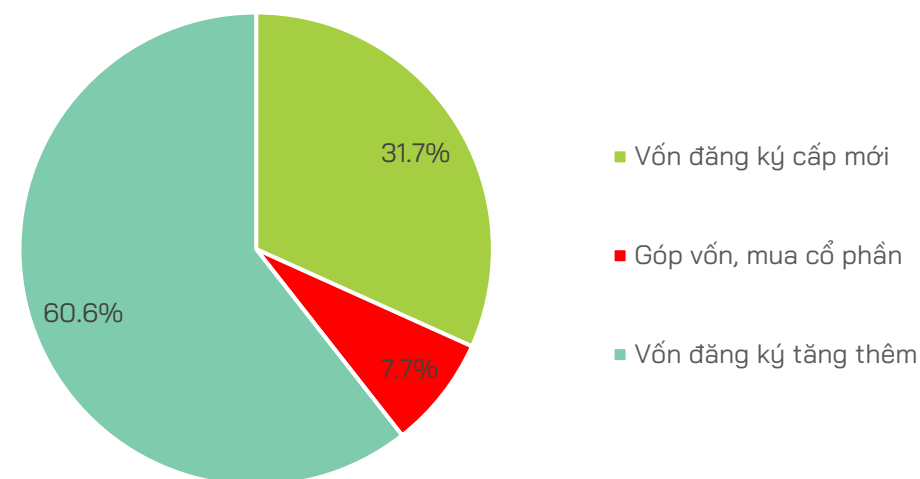
6. Dòng vốn FDI đăng ký tăng tích cực

- **Tổng vốn FDI đăng ký trong 2 tháng đầu năm 2025 đạt 6.9 tỷ USD, tăng mạnh +60.8% YoY, cho thấy tín hiệu tích cực ban đầu từ dòng vốn nước ngoài.** Trong đó, có 516 dự án cấp mới với tổng vốn 2.2 tỷ USD, 256 dự án góp vốn mua cổ phần với tổng vốn 4.1 tỷ USD, và 553 dự án tăng vốn với giá trị 0.5 tỷ USD. Đáng chú ý, hoạt động góp vốn, mua cổ phần tăng mạnh cho thấy các nhà đầu tư ngoại đang thận trọng nhưng sẵn sàng mở rộng đầu tư nếu môi trường kinh doanh tiếp tục ổn định và thuận lợi hơn.
- **Chúng tôi tiếp tục giữ quan điểm rằng dòng vốn FDI trong ngắn hạn sẽ còn thận trọng do ảnh hưởng từ bất ổn địa chính trị, các chính sách thuế quan của Mỹ và phản ứng từ các quốc gia khác.** Tuy nhiên, triển vọng dài hạn vẫn tích cực, nhờ xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu và các chính sách thu hút FDI chủ động từ Chính phủ và địa phương. Một số tập đoàn công nghệ lớn như NVIDIA đã xác nhận đầu tư tại Việt Nam, và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cũng đang tạo điều kiện cho Việt Nam trở thành điểm đến thay thế trong chuỗi sản xuất toàn cầu.

FDI giải ngân và đăng ký



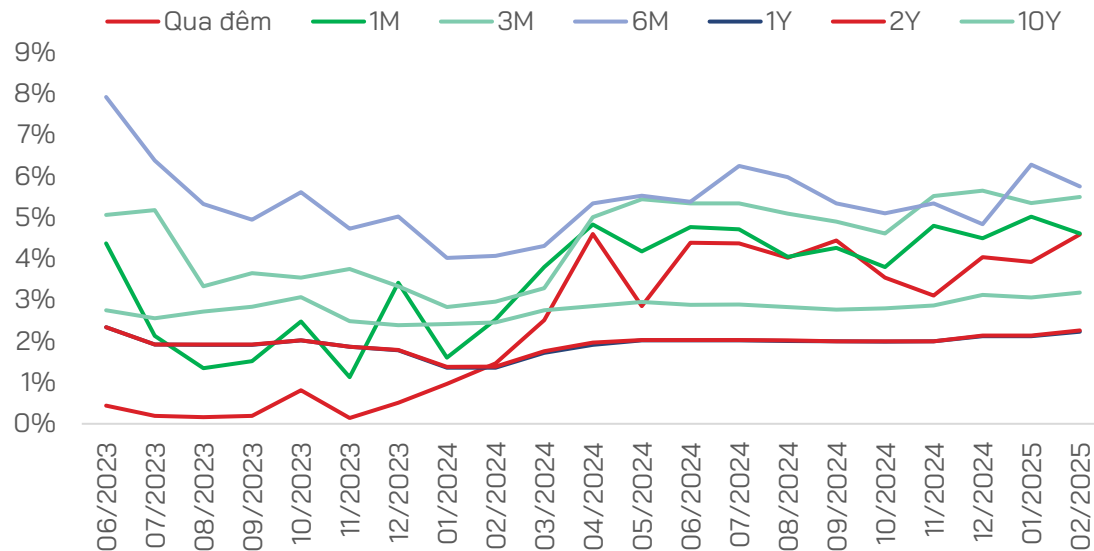
Cơ cấu tổng vốn đầu tư nước ngoài



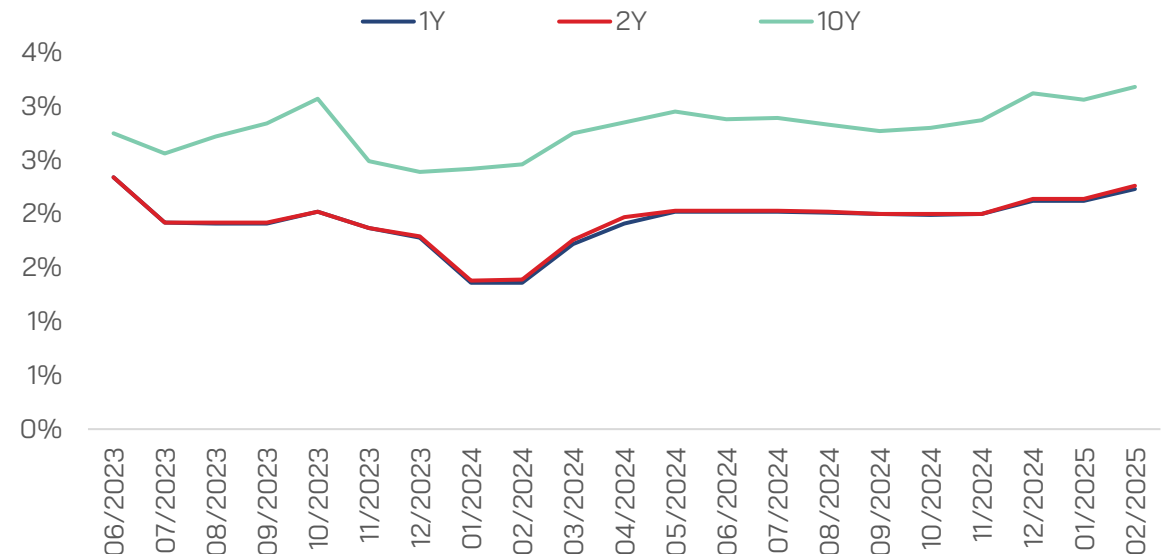
7. Lãi suất liên ngân hàng biến động trái chiều, mặt bằng vẫn xu hướng giảm

- **Trong tháng 02/2025, lãi suất liên ngân hàng ghi nhận biến động đan xen giữa các kỳ hạn:** kỳ hạn qua đêm tăng 67bps lên 4.59%, kỳ hạn 1 tháng giảm 41bps còn 4.61%, kỳ hạn 3 tháng tăng 15bps lên 5.5%, và kỳ hạn 6 tháng giảm 53bps còn 5.75%. Mặc dù có sự biến động ngắn hạn, mặt bằng lãi suất vẫn bám sát xu hướng dự báo trước đó của chúng tôi - xu hướng giảm là chủ đạo, trong bối cảnh các ngân hàng thương mại điều chỉnh lãi suất cho vay theo hướng hỗ trợ tăng trưởng và Ngân hàng Nhà nước tiếp tục bơm thanh khoản qua các công cụ thị trường mở nhằm ổn định thị trường tiền tệ.
- **Lợi suất trái phiếu chính phủ tăng ở cả 3 kỳ hạn chính:** kỳ hạn 1 năm tăng 11bps lên 2.23%, kỳ hạn 2 năm tăng 12bps lên 2.26%, và kỳ hạn 10 năm tăng 12bps lên 3.18%. Động thái tăng lợi suất cho thấy nhà đầu tư bắt đầu có những lo ngại trở lại về rủi ro vĩ mô, đặc biệt là sau kỳ nghỉ Tết. Đây cũng là thời điểm một số ngân hàng thương mại bắt đầu điều chỉnh tăng lãi suất huy động, cho thấy áp lực chi phí vốn có thể gia tăng trong thời gian tới nếu các yếu tố bất định vĩ mô tiếp tục kéo dài.

Lãi suất Liên Ngân Hàng



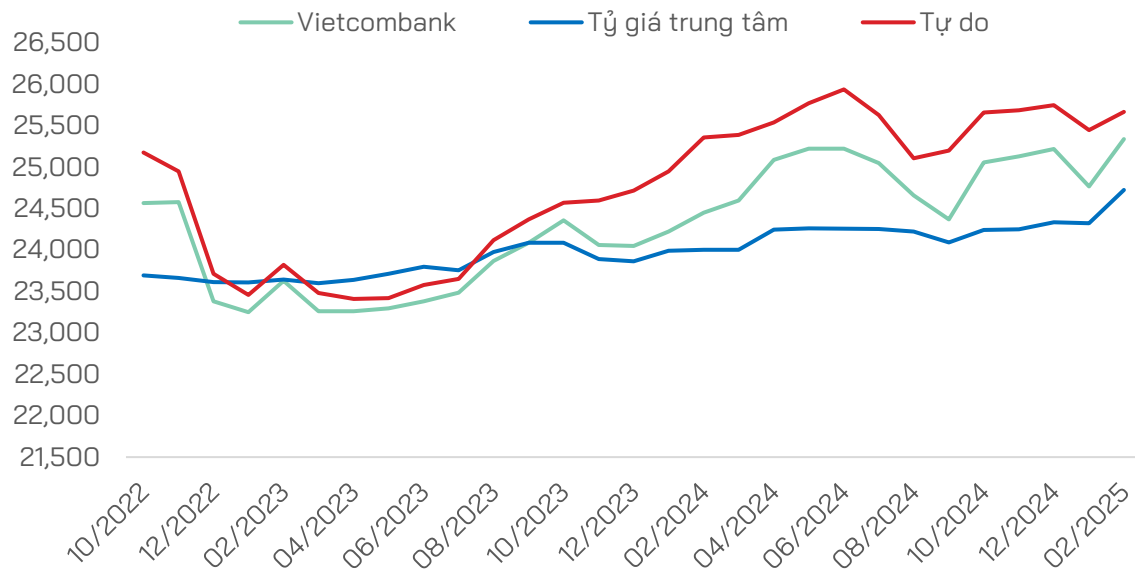
Lợi suất trái phiếu chính phủ



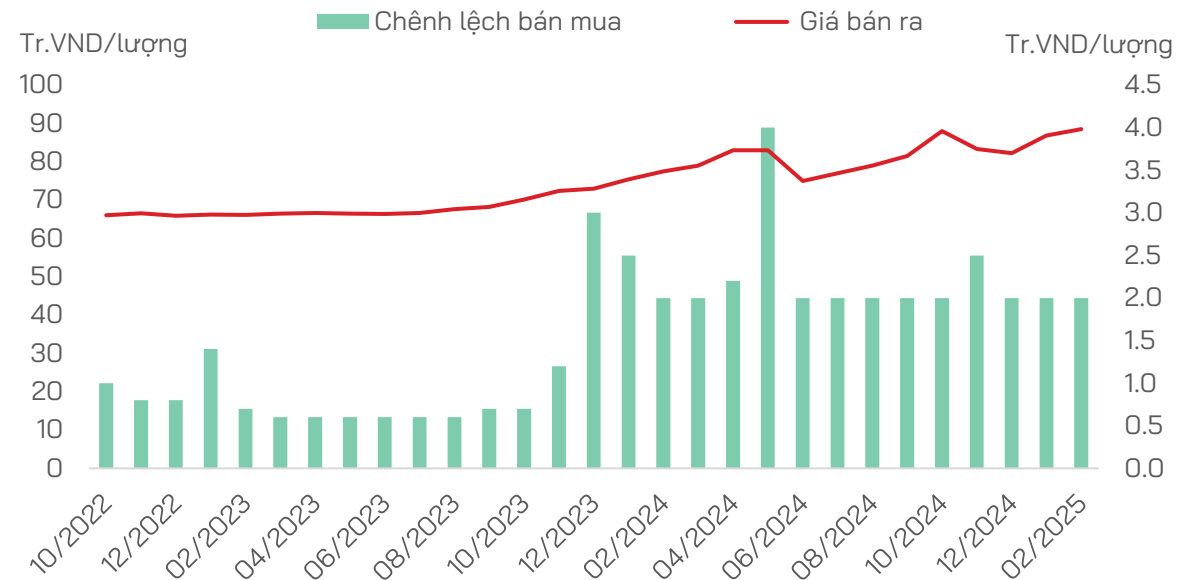
8. Tỷ giá chịu áp lực trở lại do nhu cầu USD tăng và căng thẳng thương mại

- Trong tháng 02/2025, tỷ giá có xu hướng tăng mạnh trở lại với tỷ giá VCB tăng +2.3% MoM, tỷ giá trung tâm tăng +1.65% MoM, và tỷ giá tự do tăng +0.86% MoM. Nguyên nhân chính đến từ việc nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu tăng mạnh, trong khi xuất khẩu giảm nhẹ, khiến cầu USD gia tăng. Bên cạnh đó, tác động kéo dài từ các chính sách thuế và bảo hộ thương mại của Mỹ - khởi nguồn từ thời Tổng thống Donald Trump - tiếp tục gây căng thẳng trong quan hệ thương mại toàn cầu, làm gia tăng áp lực lên tỷ giá trong khu vực. Dù cán cân thương mại tháng 2 chuyển sang nhập siêu, chúng tôi kỳ vọng Việt Nam sẽ sớm quay lại xuất siêu, nhưng tỷ giá vẫn chịu sức ép từ đồng USD mạnh và các rủi ro vĩ mô quốc tế.
- **Giá vàng tiếp tục leo thang từ đầu năm 2025 đến nay do ảnh hưởng của các yếu tố địa chính trị và kinh tế vĩ mô.** Trong đó, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và các đối tác lớn, cùng với các chính sách thuế quan cứng rắn của Mỹ được triển khai từ thời Tổng thống Donald Trump, đã làm gia tăng nhu cầu nắm giữ tài sản an toàn như vàng. Trong bối cảnh các yếu tố rủi ro này chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, chúng tôi giữ quan điểm rằng giá vàng sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong thời gian tới, ít nhất cho đến khi các bất ổn vĩ mô được giải tỏa rõ rệt hơn.

Tỷ giá VND/USD



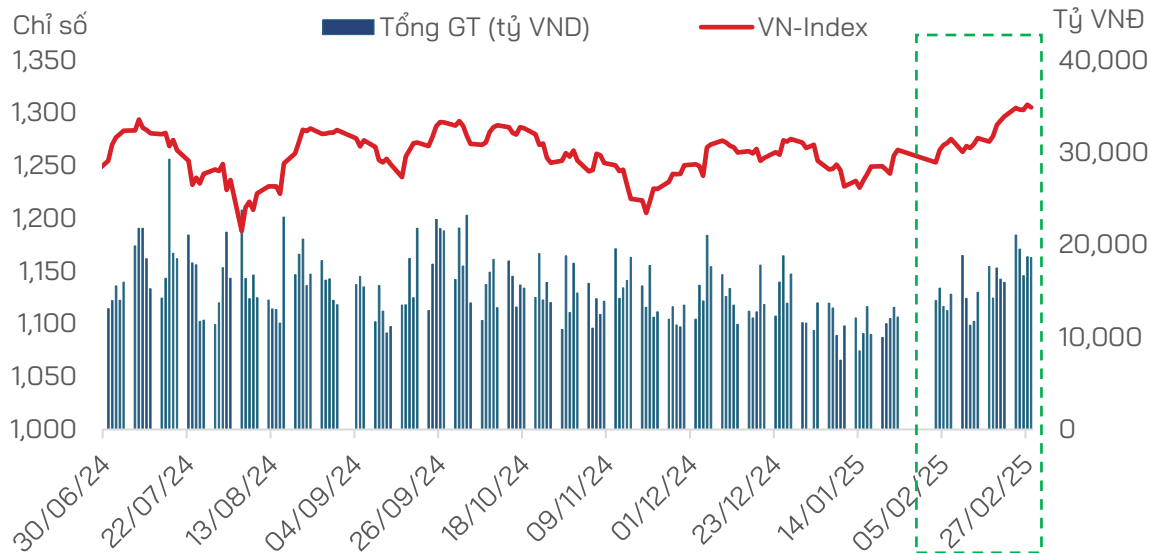
Giá vàng SJC



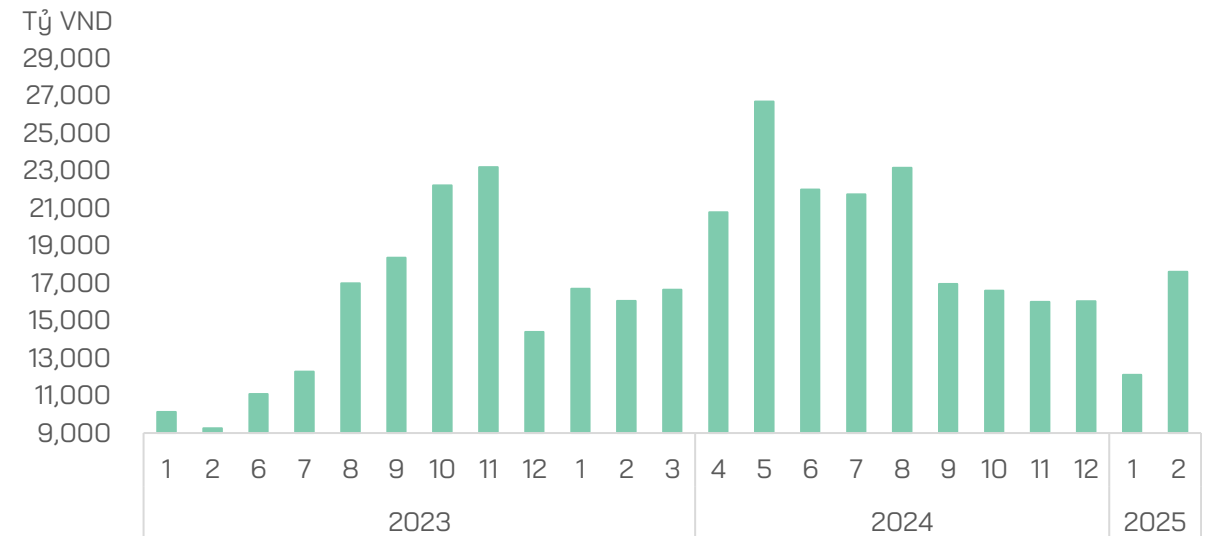
9. VN-Index bứt phá mạnh sau Tết, thanh khoản lập đỉnh 6 tháng

- **Kết thúc tháng 02/2025, VN-Index đạt 1,305 điểm, tăng mạnh hơn 40 điểm (+3.2%) so với tháng trước.** Thanh khoản bình quân đạt 17,616 tỷ đồng/phiên, tăng +45.6% MoM và +13.3% so với trung bình 5 tháng, ghi nhận mức cao nhất kể từ tháng 08/2024. Thị trường giao dịch trở nên sôi động sau kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán, nhờ chính sách hỗ trợ tăng trưởng và tiền tệ tích cực, cùng với việc áp lực bên ngoài đã dịu bớt so với các lo ngại trước đó.
- **Về dòng tiền,** tỷ trọng luân chuyển giảm ở các nhóm Ngân hàng, Bất động sản, Bán lẻ và CNTT, nhưng lại tăng đáng kể ở các nhóm Chứng khoán, Xây dựng và Thép – cũng là các nhóm có diễn biến giá tích cực nổi bật.
- **Thị trường ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực trong tháng 2:** (1) Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA50 tăng mạnh từ 42% lên 66%, cho thấy dòng tiền lan tỏa mạnh hơn; (2) Tâm lý nhà đầu tư tích cực trở lại, thể hiện qua thanh khoản cải thiện vượt kỳ vọng; (3) Áp lực bán ròng từ khối ngoại suy giảm rõ rệt.
- **Chúng tôi giữ quan điểm lạc quan về xu hướng thị trường trong tháng 3/2025.** Dù khả năng xuất hiện các nhịp rung lắc kỹ thuật là có thể xảy ra, nhưng đây sẽ là cơ hội tích lũy tốt cho nhà đầu tư còn đứng ngoài thị trường, trong bối cảnh nền tảng vĩ mô và chính sách đang hỗ trợ xu hướng tăng.

Chỉ số và Thanh khoản sàn HOSE



Giá trị giao dịch trung bình của VN-Index theo tháng



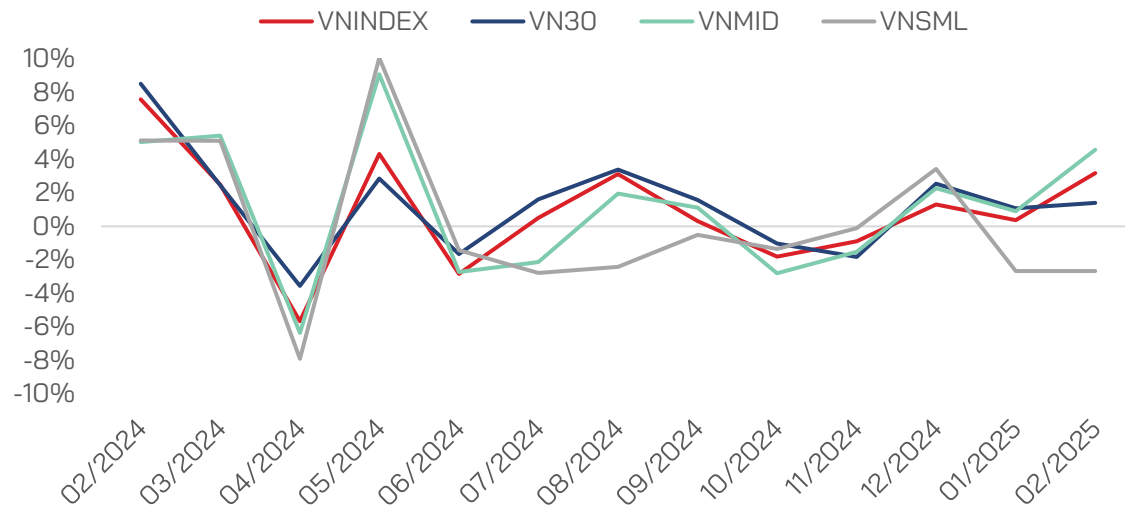
10. Nhóm Chứng khoán hút dòng tiền trước các thông tin nâng hạng

NGÀNH	06/2024	07/2024	08/2024	09/2024	10/2024	11/2024	12/2024	01/2025	02/2025	%1 THÁNG	%3 THÁNG	%6 THÁNG	%9 THÁNG	%1 NĂM	%YTD
Ngân hàng	17.2%	18.9%	17.9%	23.3%	27.9%	19.1%	19.0%	22.7%	20.9%	3.4%	7.8%	8.2%	15.1%	10.8%	5.3%
Dịch vụ tài chính	12.2%	10.2%	13.5%	14.4%	13.4%	11.2%	12.6%	12.1%	15.1%	8.8%	9.0%	1.9%	-3.2%	-0.3%	6.9%
Bất động sản	14.5%	15.6%	18.7%	18.4%	17.2%	19.8%	16.6%	14.2%	13.5%	5.7%	4.9%	1.9%	3.2%	1.4%	4.4%
Thực phẩm và đồ uống	8.3%	8.0%	9.2%	7.6%	8.2%	7.9%	7.5%	8.0%	7.3%	1.1%	1.3%	2.2%	8.7%	20.7%	-3.7%
Tài nguyên Cơ bản	7.1%	6.7%	6.3%	6.6%	5.9%	5.7%	6.1%	5.1%	7.7%	18.0%	28.5%	29.1%	23.7%	29.0%	21.0%
Xây dựng và Vật liệu	5.2%	4.5%	4.3%	4.4%	3.9%	4.9%	5.7%	7.7%	7.3%	7.2%	12.0%	14.7%	15.5%	20.9%	7.7%
Công nghệ Thông tin	5.8%	5.1%	3.8%	3.6%	3.0%	5.9%	5.6%	5.4%	4.7%	-7.7%	-1.5%	5.5%	19.7%	49.6%	-7.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.2%	6.6%	4.6%	3.4%	3.9%	6.1%	5.7%	6.1%	6.2%	-2.1%	7.3%	17.8%	36.0%	63.2%	3.4%
Hóa chất	6.4%	6.5%	5.4%	5.2%	4.0%	5.0%	5.9%	4.5%	5.3%	11.1%	8.0%	2.4%	3.1%	22.2%	7.6%
Bán lẻ	3.3%	4.9%	4.8%	4.0%	4.6%	4.5%	3.6%	3.7%	3.3%	-2.4%	0.2%	-7.6%	2.1%	33.6%	-1.7%
Dầu khí	3.2%	3.3%	3.5%	3.0%	2.6%	1.9%	2.2%	2.4%	2.2%	6.2%	11.6%	-5.8%	4.1%	20.1%	6.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.5%	2.9%	2.4%	1.8%	1.3%	1.7%	1.7%	1.6%	1.7%	2.8%	3.7%	-0.2%	2.9%	11.6%	2.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.3%	2.6%	2.7%	1.9%	1.5%	2.2%	2.6%	1.7%	1.4%	2.3%	4.7%	3.4%	8.8%	23.5%	0.9%
Du lịch và Giải trí	1.3%	1.5%	1.0%	0.8%	0.9%	1.3%	1.4%	1.1%	0.9%	0.0%	-1.2%	9.7%	3.1%	42.3%	-3.2%
Ô tô và phụ tùng	0.6%	0.6%	0.4%	0.4%	0.5%	0.6%	0.7%	0.5%	0.7%	6.6%	7.4%	-0.9%	-0.3%	10.1%	5.8%
Y tế	0.4%	0.6%	0.3%	0.4%	0.4%	0.4%	0.7%	0.6%	0.6%	4.5%	8.3%	9.8%	19.5%	29.5%	4.5%
Viễn thông	0.9%	0.9%	0.7%	0.4%	0.5%	1.4%	1.1%	1.2%	0.6%	-9.7%	-7.6%	19.6%	4.2%	153.6%	-8.4%
Truyền thông	0.2%	0.2%	0.1%	0.1%	0.1%	0.2%	0.7%	0.8%	0.3%	1.6%	5.3%	-17.1%	-12.7%	7.4%	4.8%
Bảo hiểm	0.4%	0.4%	0.3%	0.3%	0.2%	0.2%	0.5%	0.5%	0.4%	8.8%	18.8%	24.2%	22.6%	33.3%	10.0%

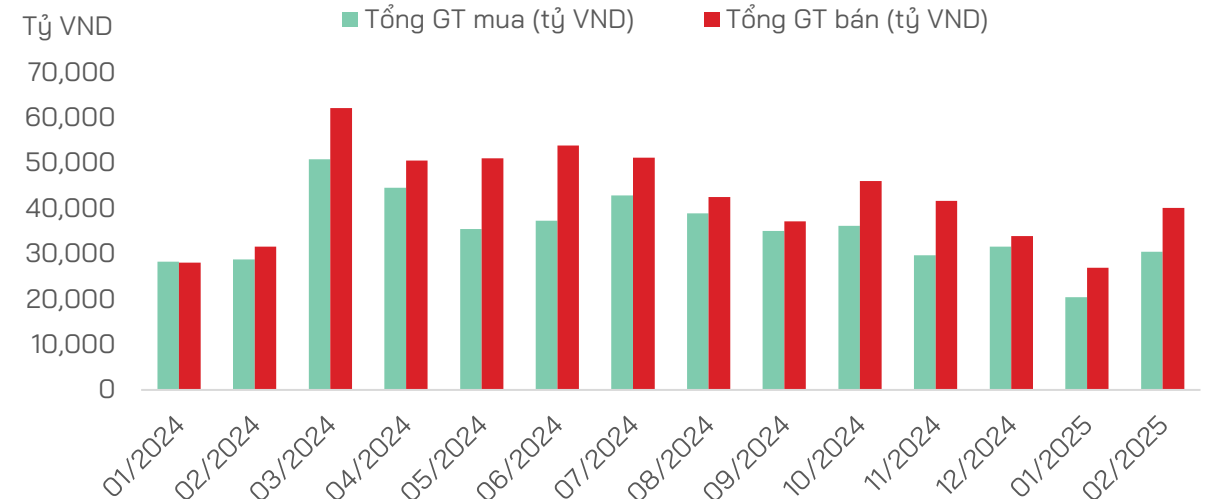
11. Khối ngoại vẫn tiêu cực, trong khi cá nhân và tổ chức vai trò đỡ lưng

- Trong tháng 02/2025, dòng tiền có sự dịch chuyển rõ rệt từ nhóm vốn hóa lớn sang nhóm vốn hóa vừa và nhỏ. Tỷ trọng dòng tiền tăng mạnh ở nhóm midcap và penny, phản ánh qua mức tăng giá tích cực: midcap tăng +4.6%, smallcap tăng +7.1%, trong khi nhóm vốn hóa lớn – bao gồm nhiều cổ phiếu đầu ngành như Ngân hàng, Bất động sản và Bán lẻ – chỉ tăng nhẹ +1.41%. Sự phân hóa này cho thấy tâm lý nhà đầu tư cá nhân tích cực hơn, sẵn sàng chấp nhận rủi ro cao hơn để tìm kiếm cơ hội sinh lời trong bối cảnh thị trường thuận lợi sau Tết.
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh 9,592 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở nhóm Ngân hàng và các cổ phiếu lớn như FPT, VNM, MWG, VCB, STB, SSI.
- Nhà đầu tư cá nhân mua ròng tới 9,050 tỷ đồng, đặc biệt quan tâm đến nhóm Thực phẩm & Đồ uống và các mã: FPT, VNM, VHM, VCB, SSI.
- Tự doanh các công ty chứng khoán bán ròng 1,033 tỷ đồng, tập trung vào nhóm Ngân hàng như SBT, MBB, CTG, HDB, TPB.
- Tổ chức trong nước mua ròng 1,576 tỷ đồng, chủ yếu ở nhóm Ngân hàng và Logistics với các mã tiêu biểu như TCB, HPG, STB, VSC, GMD.

Hiệu suất nhóm vốn hóa theo tháng



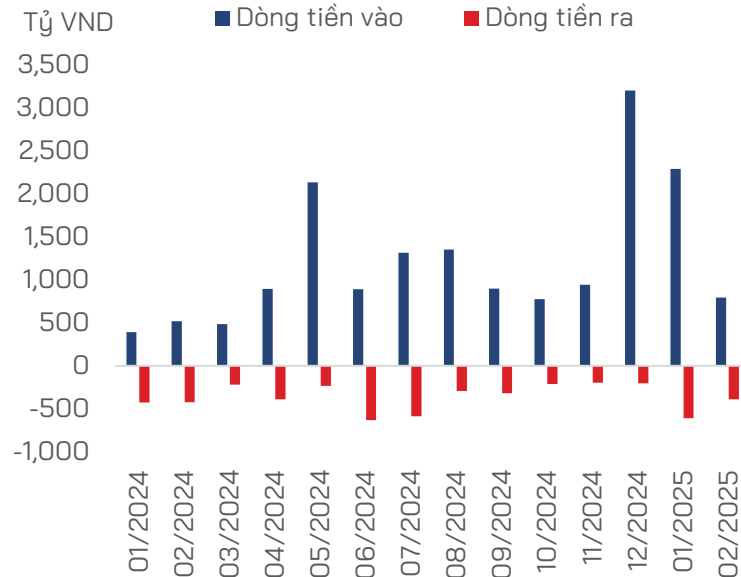
Dòng tiền mua bán của Khối ngoại



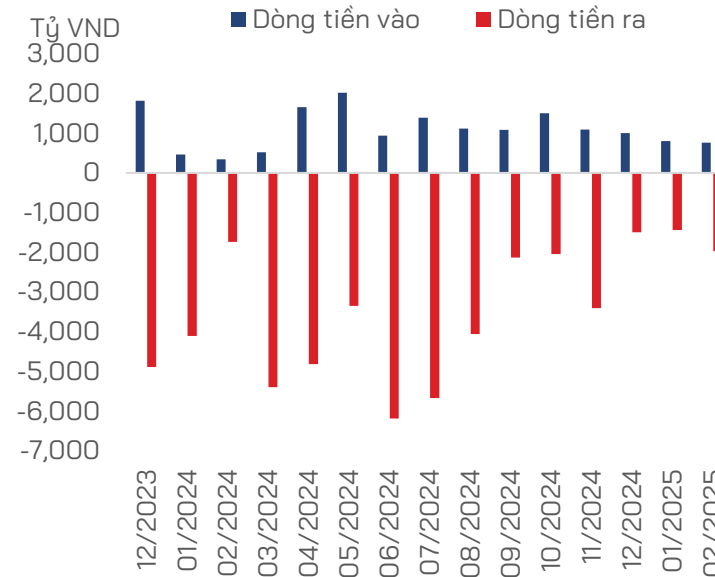
12. Quỹ cổ phiếu có hiệu suất dương nhưng phần lớn vẫn dưới VN-Index

- Trong tháng 02/2025, đa số các quỹ lớn (quy mô >1,000 tỷ đồng) ghi nhận hiệu suất dương, đồng thuận với diễn biến tích cực của thị trường. Tuy nhiên, chỉ 4/20 quỹ lớn nhất có mức tăng vượt trội so với VN-Index (+3.2%), bao gồm: VNM ETF (+5.29%), Fubon FTSE (+4.7%), Xtrackers FTSE Vietnam (+4.53%) và KIM ACE VN30 (+3.67%). Tính từ đầu năm, phần lớn các quỹ vẫn chưa theo kịp đà hồi phục của thị trường do hiệu suất kém trong tháng 1.
- Các quỹ chủ động gia tăng tỷ trọng ở nhóm cổ phiếu Ngân hàng, với các mã được mua ròng mạnh gồm: LPB, SHB, TCB, VIB, OCB. Ở chiều ngược lại, nhóm Bất động sản và Chứng khoán tiếp tục bị bán ròng, nổi bật với các mã: VND, STB, PDR, HSG, PVD, VIC, VHM. Diễn biến này cho thấy sự phân hóa rõ nét trong chiến lược đầu tư của khối quỹ, tập trung vào nhóm có nền tảng cơ bản và thanh khoản tốt, trong khi hạ tỷ trọng ở các ngành nhạy cảm với rủi ro thị trường.

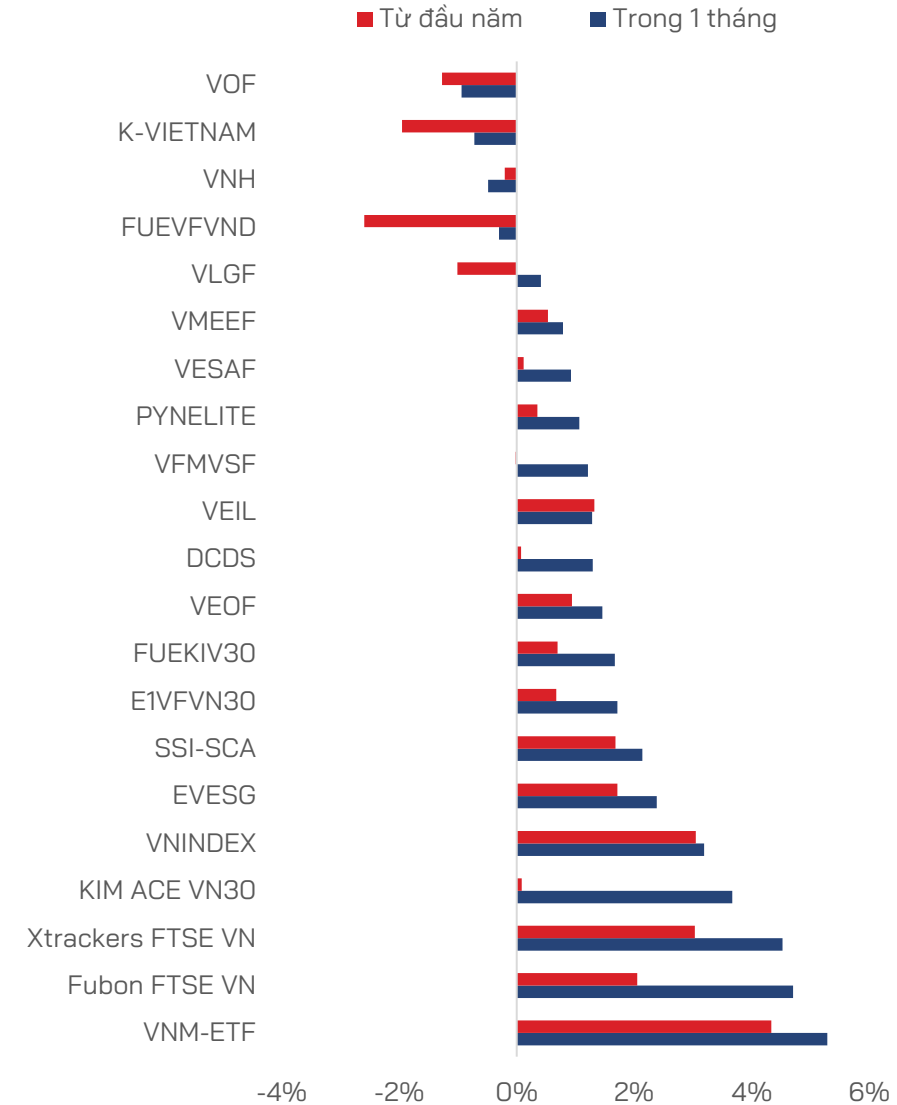
Dòng tiền của Quỹ Mở



Dòng tiền từ Quỹ ETF



Hiệu Suất tháng 2 của các quỹ cổ phiếu



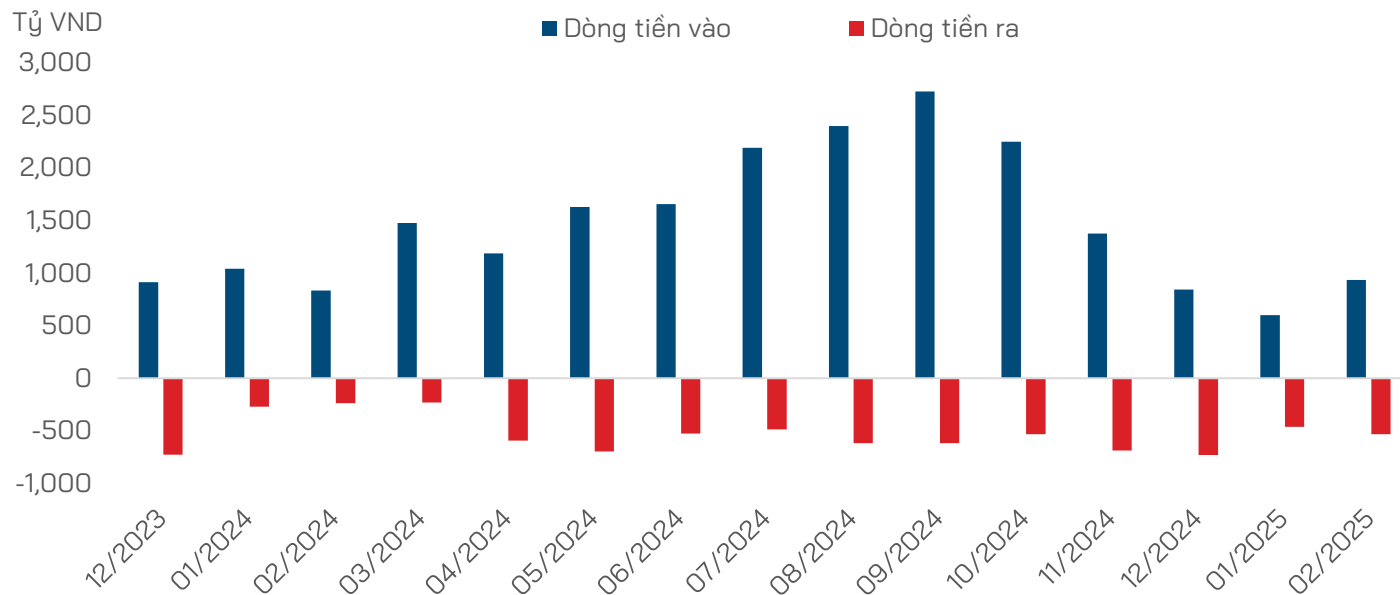
12. Danh mục Quỹ cổ phiếu: Top mua/ bán ròng mạnh nhất trong tháng

Mã Cổ phiếu	Tên công ty	Giá đóng cửa (VND)	% Biến động giá 1 tháng	Khối lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ/Tổng số CP lưu hành	Giá trị (tỷ VND)	Thay đổi giá trị nắm giữ 1 tháng (VNĐ)	Số quỹ nắm giữ
LPB	LPBank	36,150	0.84%	19,851,514	0.66%	718	9,604,196	17
SHB	SHB	10,000	7.77%	79,727,996	1.96%	797	6,188,252	17
TCB	Techcombank	26,100	5.45%	218,164,780	3.09%	5,694	6,027,463	46
VIB	VIBBank	20,750	0.48%	56,913,221	1.91%	1,181	3,547,060	42
OCB	Ngân hàng Phương Đông	11,250	0.45%	15,263,910	0.62%	172	3,544,300	11
MWG	Thế giới di động	58,300	-3.00%	127,356,911	8.71%	7,425	2,366,002	46
GMD	Gemadept	60,700	-5.01%	35,170,097	8.50%	2,135	2,104,960	37
BID	BIDV	40,950	2.38%	73,582,986	1.07%	3,013	1,783,200	31
TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	17,500	15.13%	16,308,929	2.44%	286	1,080,149	11
NLG	BĐS Nam Long	34,700	-4.80%	27,150,634	7.05%	942	977,300	25
VPB	VPBank	19,300	2.12%	263,302,876	3.32%	5,082	-4,565,330	41
ACB	ACB	26,000	2.56%	265,927,489	5.95%	6,914	-2,967,894	54
FPT	FPT Corp	140,300	-8.54%	58,542,116	3.98%	8,213	-2,269,233	45
VHM	Vinhomes	41,200	4.30%	62,344,760	1.52%	2,615	-1,616,692	26
VIC	VinGroup	41,200	1.98%	59,415,638	1.55%	2,476	-1,280,341	19
PVD	Khoan Dầu khí PVDrilling	24,750	4.87%	16,187,334	2.91%	400	-1,151,944	25
HSG	Tập đoàn Hoa Sen	19,050	9.17%	9,502,931	1.53%	182	-1,084,322	16
PDR	BĐS Phát Đạt	19,900	4.19%	20,086,076	2.30%	401	-1,068,959	13
STB	Sacombank	38,250	3.38%	55,470,385	2.94%	2,131	-1,013,900	44
VND	Chứng khoán VNDIRECT	13,600	13.33%	53,272,190	3.50%	728	-1,001,835	15

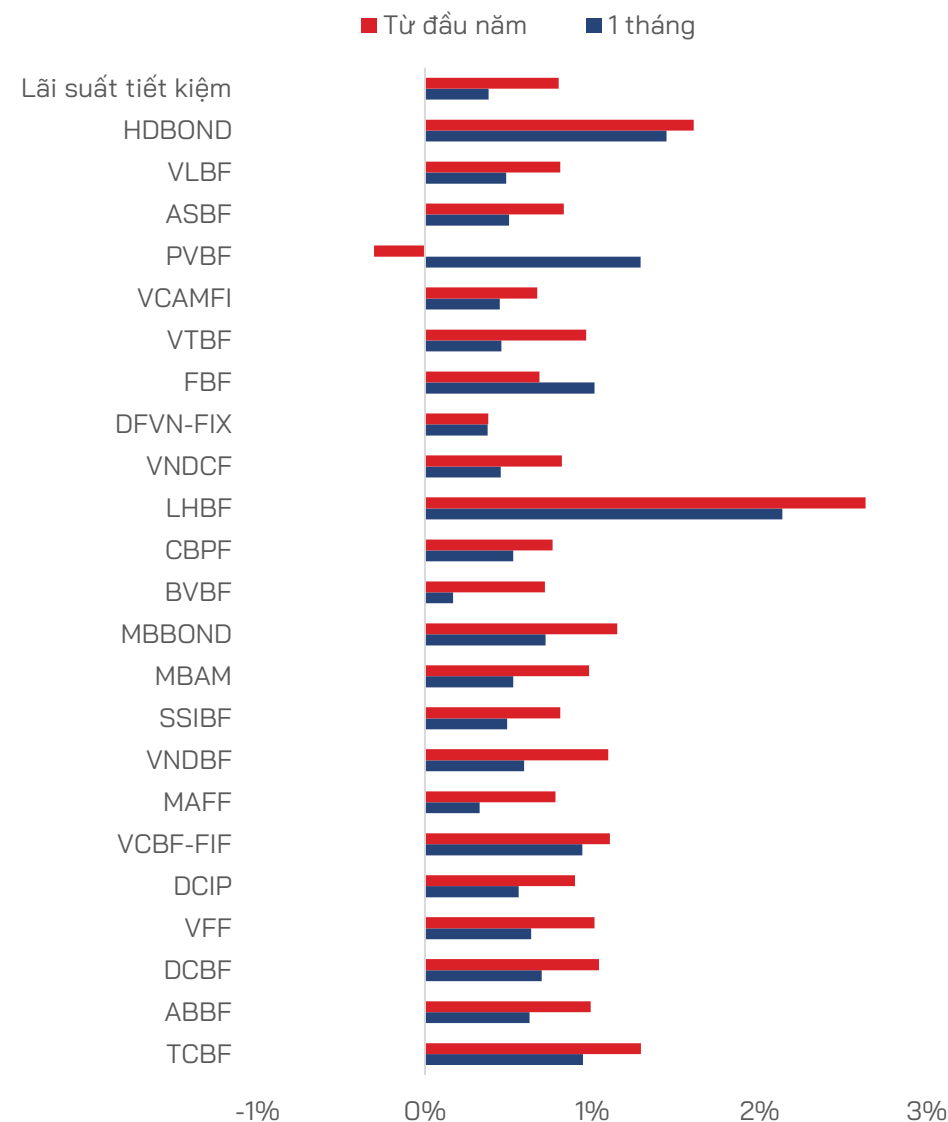
13. Dòng tiền vào quỹ trái phiếu tích cực nhưng quy mô vẫn khiêm tốn

- Trong tháng 02/2025, dòng tiền vào các quỹ trái phiếu tiếp tục duy trì xu hướng tích cực tháng thứ 3 liên tiếp, với giá trị trung bình khoảng 219 tỷ đồng. Tuy nhiên, mức này vẫn còn thấp hơn đáng kể so với quy mô mua ròng trung bình năm 2024 (khoảng 1,700 tỷ đồng/tháng), cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn còn thận trọng trong bối cảnh thị trường tài chính đang biến động.
- Quỹ TCBF tiếp tục hút vốn mạnh, với giá trị mua ròng trong tháng đạt 181 tỷ đồng, dẫn đầu nhóm quỹ trái phiếu. Danh mục đầu tư chủ yếu tập trung vào trái phiếu doanh nghiệp của VIC, VHM, MML và NVL, phản ánh sự ưu tiên của quỹ với các doanh nghiệp lớn, có thương hiệu và khả năng tài chính mạnh trong nhóm bất động sản và tiêu dùng.

Dòng tiền Quỹ trái phiếu




Hiệu Suất tháng 2 của các quỹ trái phiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD (HDS)

 www.hdbs.vn


TRỤ SỞ CHÍNH

 23A-B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

 +84 287 3076966

 +84 286 2838666


CHI NHÁNH HÀ NỘI


 Tầng 5, 32 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

 +84 243 359 8866

 +84 243 351 8866

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

 hdbs.vn/tin-tuc-su-kien/trung-tam-phan-tich

 research@hdbs.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng dựa trên dữ liệu thu thập từ các nguồn được đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên HDS không đảm bảo tính chính xác và đầy đủ tuyệt đối của các thông tin này. Các nhận định trong báo cáo phản ánh quan điểm tại thời điểm phát hành, có thể thay đổi theo diễn biến thị trường mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ mang tính tham khảo và không phải là khuyến nghị đầu tư. HDS không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ rủi ro hoặc tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng thông tin trong báo cáo.

Báo cáo này là sản phẩm và tài sản của HDS. Mọi hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của HDS đều là trái luật.